TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: **236**/2023/QĐST-HNGĐ	*Đông Anh, ngày 08 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2023/TLST- HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị A**, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1992.

Nơi thường trú: Tổ dân phố X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi tạm trú: Thôn M, xã N, huyện P, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/5/2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/5/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị A và anh Trần Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Trần Văn B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 50, đăng ký ngày 23/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa (Nay là thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa) cấp cho chị Trần Thị A và anh Trần Văn B không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung**: Chị A, anh B có 02 con chung là cháu Trần Khánh C, sinh ngày 24/7/2015 và cháu Trần Minh D, sinh ngày 24/02/2020.

Sau ly hôn, chị A trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi từng con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị A, anh B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị A và anh Trần Văn B đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, chị Trần Thị A chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: **6851** ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Chị A được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND thị trấn Phong Sơn, Cẩm Thủy, Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Lâm Bình